

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	0106000697	ngày 9 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	0106000697	ngày 28 tháng 12 năm 2006
	0106000697	ngày 22 tháng 8 năm 2007
	0106000697	ngày 3 tháng 11 năm 2008
	0106000697	ngày 12 tháng 12 năm 2009

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi năm lần, lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000697 ngày 12 tháng 12 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Quốc Ân Ông Vũ Đức Giang Ông Trần Quang Nghị Ông Lê Tiến Trường Ông Phạm Duy Hạnh Ông Nguyễn Khánh Sơn Ông Phan Chí Dũng	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Đức Giang Ông Trần Quang Nghị Ông Lê Tiến Trường Bà Phạm Nguyên Hạnh Ông Trần Văn Phổ Ông Lê Trung Hải Bà Ninh Thị Ty	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 4 năm 2010)
	Ông Bùi Nguyễn Tiến Bà Dương Thị Ngọc Dung Ông Vũ Sỹ Nam Ông Ưông Tiến Thịnh Ông Hoàng Vệ Dũng	Giám đốc Điều hành Giám đốc Điều hành Giám đốc Điều hành Giám đốc Điều hành Giám đốc Điều hành
Trụ sở đăng ký	25 Phố Bà Triệu Quận Hoàn Kiếm Hà Nội, Việt Nam	
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Quản trị
Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam (“Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 1 tháng 7 năm 2009 do:

- (i) Các kiểm toán viên của năm trước không tiến hành các thủ tục kiểm toán đối với các báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc; và
- (ii) Các kiểm toán viên của năm trước không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán đối với một số khoản mục như các khoản phải trả khác, các khoản phải thu khác, số dư nội bộ giữa Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex và Công ty Vinatex – Oriental Jade và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư dài hạn.

Ngoại trừ vấn đề được đề cập tới dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các số dư và giao dịch nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày giữa Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex và một số công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam chưa được đối chiếu và xác nhận đầy đủ. Điều này khiến cho Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex không thể xác định và thuyết minh đầy đủ các giao dịch và số dư với các bên liên quan. Do tính chất của sổ sách kế toán của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục khác để xác định tính đầy đủ, chính xác và tính hiện hữu của các giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng trong cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-02-225




Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 24 -06- 2010



Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.180.179.960.463	1.070.217.868.570
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	257.227.185.652	222.402.972.289
Tiền	111		82.727.185.652	212.402.972.289
Các khoản tương đương tiền	112		174.500.000.000	10.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	-	35.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	35.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	727.375.038.490	550.171.602.711
Phải thu khách hàng	131		84.632.866.088	139.451.233.349
Trả trước cho người bán	132		27.044.032.877	21.372.578.064
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		5.787.575.829	-
Các khoản phải thu khác	135		628.767.647.165	403.651.667.177
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(18.857.083.469)	(14.303.875.879)
Hàng tồn kho	140	6	183.874.802.928	240.828.350.272
Hàng tồn kho	141		192.834.816.211	251.601.316.315
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.960.013.283)	(10.772.966.043)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.702.933.393	21.814.943.298
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.516.728.141	2.150.550.466
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.625.666.850	15.022.494.318
Thuế phải thu Nhà nước	154		160.547.973	10.950.363
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.399.990.429	4.630.948.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn	200		2.824.580.029.567	2.936.840.936.173
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	77.249.674.501	66.542.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		77.249.674.501	66.542.000.000
Tài sản cố định	220		448.856.652.855	447.154.995.813
Tài sản cố định hữu hình	221	7	348.740.880.967	393.223.783.187
Nguyên giá	222		482.102.661.687	502.090.112.381
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.361.780.720)	(108.866.329.194)
Tài sản cố định vô hình	227	8	72.226.589.795	17.375.566.263
Nguyên giá	228		79.005.426.602	22.737.505.624
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.778.836.807)	(5.361.939.361)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	27.889.182.093	36.555.646.363
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.250.176.411.538	2.372.704.814.512
Đầu tư vào công ty con	251		1.639.674.166.001	1.775.249.909.094
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		209.075.587.857	272.534.002.857
Đầu tư dài hạn khác	258		420.306.495.139	333.954.050.875
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(18.879.837.459)	(9.033.148.314)
Tài sản dài hạn khác	260		48.297.290.673	50.439.125.848
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	35.444.872.526	38.455.872.959
Tài sản dài hạn khác	268		12.852.418.147	11.983.252.889
TỔNG TÀI SẢN	270		4.004.759.990.030	4.007.058.804.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn	310		376.203.201.102	449.330.362.107
Vay ngắn hạn	311	13	67.179.018.330	94.497.596.448
Phải trả người bán	312		212.855.295.749	282.169.341.324
Người mua trả tiền trước	313		1.243.323.394	998.948.560
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	11.422.128.539	8.468.810.144
Phải trả người lao động	315		14.955.853.942	13.464.597.622
Chi phí phải trả	316	15	5.013.265.809	4.390.331.260
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	63.534.315.339	45.340.736.749
Vay và nợ dài hạn	330		141.272.462.122	174.443.230.327
Phải trả dài hạn khác	333		3.256.899.266	3.117.733.962
Vay dài hạn	334	17	137.906.228.613	171.238.228.613
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		109.334.243	87.267.752
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Vốn chủ sở hữu	410		3.483.259.733.463	3.376.232.101.766
Vốn kinh doanh	411	18	3.267.507.497.435	3.330.248.767.218
Vốn khác	413		-	13.915.113.750
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		6.023.686	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	18.830.164.561	18.830.164.561
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	13.238.056.237	13.238.056.237
Lợi nhuận chưa phân phối	420		183.677.991.544	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		4.024.593.343	7.053.110.543
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	19	4.024.593.343	7.053.110.543
TỔNG NGUỒN VỐN				
	440		4.004.759.990.030	4.007.058.804.743

Người lập:

Phạm Hòa Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Đức Giang
Tổng Giám đốc



24 -06- 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	20	1.036.154.139.106	994.837.269.783
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	(2.149.371.502)	(554.467.082)
Doanh thu thuần	10	20	1.034.004.767.604	994.282.802.701
Giá vốn hàng bán	11	21	(825.704.240.484)	(811.709.296.904)
Lợi nhuận gộp	20		208.300.527.120	182.573.505.797
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	247.679.065.536	155.376.583.284
Chi phí tài chính	22	23	(21.129.326.280)	(43.636.563.025)
Chi phí bán hàng	24		(150.758.870.991)	(159.076.296.450)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(99.543.336.108)	(89.253.816.501)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		184.548.059.277	45.983.413.105
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		7.581.198.209	23.079.602.510
Chi phí khác	32		(615.711.693)	(777.774.892)
Lợi nhuận trước thuế	50		191.513.545.793	68.285.240.723
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	(4.549.817.293)	(640.166.024)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		186.963.728.500	67.645.074.699

Người lập:

Người duyệt:

Phạm Hòa Bình
Kế toán trưởng

Vũ Đức Giang
Tổng Giám đốc

24 -06- 2010

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn kinh doanh		Vốn khác		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư và phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng vốn chủ sở hữu		Quỹ khác		Quỹ khen thưởng và phúc lợi		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2008 - được trình bày trước đây	3.064.867.938.268	13.915.113.750	-	-	8.635.779.466	5.796.239.965	14.760.788.047	3.107.975.859.496	1.021.422.223	4.803.197.517	3.113.800.479.236	4.281.760.255	-	-	-	-	-	-	-	-	4.281.760.255
<i>Điều chỉnh khấu hao lũy kế (Thuyết minh 3)</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 1/1/2008 - đã điều chỉnh lại	3.064.867.938.268	13.915.113.750	-	-	8.635.779.466	5.796.239.965	14.760.788.047	3.107.975.859.496	1.021.422.223	4.803.197.517	3.113.800.479.236	4.281.760.255	-	-	-	-	-	-	-	-	4.281.760.255
Điều chỉnh lại sai sót của năm trước (Thuyết minh 3)	(5.498.169.274)	-	-	-	(459.340.725)	(695.970.794)	6.959.707.942	306.227.149	1.659.177.777	(306.227.149)	1.659.177.777	(26.665.799.633)	-	-	-	-	-	-	-	-	1.659.177.777
Tăng vốn kinh doanh	229.208.085.680	722.178.000	-	-	-	-	-	229.930.263.680	-	-	229.930.263.680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	229.930.263.680
Giảm vốn kinh doanh	(25.943.621.633)	(722.178.000)	-	-	-	-	-	(26.665.799.633)	-	-	(26.665.799.633)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.665.799.633)
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	-	67.645.074.699	67.645.074.699	-	-	67.645.074.699	-	-	-	-	-	-	-	-	-	67.645.074.699
Phần bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	10.653.725.820	8.137.787.066	(26.032.796.766)	(7.241.283.880)	-	-	(7.241.283.880)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp nhận được	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.135.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.135.000.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(27.815.600.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(32.500.743.705)
Tái đầu tư từ lợi nhuận chưa phân phối	67.614.534.177	-	-	-	-	-	(67.614.534.177)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 1/1/2009 - đã điều chỉnh lại	3.330.248.767.218	13.915.113.750	-	-	18.830.164.561	13.238.056.237	-	3.376.232.101.766	-	7.053.110.543	3.383.285.212.309	4.281.760.255	-	-	-	-	-	-	-	-	4.281.760.255

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam


Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Vốn kinh doanh		Chênh lệch		Quỹ đầu tư và		Quỹ dự		Lợi nhuận		Quỹ khác		Quỹ khen		Tổng cộng	
	VND	VND	tỷ giá	hối đoái	phát triển	phòng tài	chính	chứa phân	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2009 - đã	3.330.248.767.218	13.915.113.750	-	-	18.830.164.561	13.238.056.237	-	3.376.232.101.766	-	-	-	-	7.053.110.543	-	3.383.285.212.309	-
điều chỉnh lại	41.095.663.866	-	-	-	-	-	-	41.095.663.866	-	-	-	-	-	-	41.095.663.866	-
Tăng vốn kinh doanh	(103.836.933.649)	-	-	-	-	-	-	(103.836.933.649)	-	-	-	-	-	(103.836.933.649)	-	-
Giảm vốn kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	6.023.686	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.023.686	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	186.963.728.500	-	-	-	-	-	-	186.963.728.500	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
nhận được	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn do một đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
phụ thuộc tách ra	-	(13.915.113.750)	-	-	-	-	-	(3.285.736.956)	-	-	-	-	-	-	(17.200.850.706)	-
Số dư tại 31/12/2009	3.267.507.497.435	-	6.023.686	-	18.830.164.561	13.238.056.237	183.677.991.544	3.483.259.733.463	-	-	-	4.024.593.343	-	3.487.284.326.806	-	-

Người lập:


Phạm Hòa Bình
Kế toán trưởng

24 -06- 2010


Vũ Đức Giang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		191.513.545.793	68.285.240.723
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.185.884.339	37.818.868.792
Các khoản dự phòng	03		12.851.076.604	23.798.584.001
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		6.023.686	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(198.943.905.235)	-
Thu nhập tiền lãi	06		(48.410.054.900)	(31.071.258.237)
Chi phí lãi vay	07		11.195.321.481	24.190.871.576
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.397.891.768	123.022.306.855
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(53.677.391.525)	149.957.730.389
Biến động hàng tồn kho	10		58.766.500.104	12.389.161.501
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(49.570.064.026)	(34.909.487.039)
			(26.083.063.679)	250.459.711.706
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.566.760.933)	(19.701.037.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(255.664.907)	-
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		-	25.135.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.897.682.458)	(37.043.837.858)
Tiền thuần (chi cho)/tạo ra từ các hoạt động kinh doanh	20		(41.803.171.977)	218.849.836.697
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(63.762.281.794)	(20.444.738.997)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		205.700.635	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(161.717.371.499)	(387.272.420.891)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		114.523.929.967	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		170.958.367.947	88.959.361.499
Tiền thuần tạo ra từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30		60.208.345.256	(318.757.798.389)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tăng vốn	31		41.058.663.866	24.561.173.167
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		71.553.018.330	133.943.417.562
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(96.192.642.112)	(357.985.786.953)
Tiền thuần tạo ra từ/(chi cho) các hoạt động tài chính	40		16.419.040.084	(199.481.196.224)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		34.824.213.363	(299.389.157.916)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		222.402.972.289	521.792.130.205
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	257.227.185.652	222.402.972.289

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG KHÔNG BẰNG TIỀN

	2009 VND	2008 VND
Giảm vốn thông qua cổ phần hóa các công ty con	(86.836.118.382)	-
Giảm vốn do thay mặt các công ty con thanh toán trợ cấp thôi việc	(17.000.815.267)	-
Giảm vốn do ghi giảm khoản phải trả nội bộ	-	(25.943.621.633)
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	-	154.140.109.574
Tăng vốn do phải thu từ cổ phần hóa	-	43.743.893.807
Tái đầu tư từ lợi nhuận để lại	-	67.614.534.177
Tăng vốn khác	37.000.000	-
Tăng khoản đầu tư từ phải thu	79.919.172.953	-
Tăng đầu tư từ việc nhận cổ phiếu thưởng	10.101.650.000	-
Giảm khoản đầu tư do giảm vốn	(86.836.118.382)	-
Giảm đầu tư do ghi giảm khoản phải thu	(213.357.008.722)	-
Giảm khoản vay dài hạn do một đơn vị phụ thuộc tách ra	(36.010.954.336)	-

Người lập:

Phạm Hòa Bình
Kế toán trưởng

24 -06- 2010

Người duyệt:

Vũ Đức Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam (“Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex”) là một công ty sở hữu Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2005.

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex như sau:

Tên	Mô tả
• Công ty Kinh doanh Thời trang Việt Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất số 4116000638 ngày 15 tháng 4 năm 2009, với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.
• Công ty Đầu tư Xây dựng An Thịnh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000536 ngày 19 tháng 10 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.
• Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt - May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316934 ngày 6 tháng 8 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.
• Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000103 ngày 19 tháng 10 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.

Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn Vinatex để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Vinatex với các hoạt động chính như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, ngân hàng, tư vấn kiểm toán báo cáo tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.
 3. Khai thác và quản lý siêu thị.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có 2.614 nhân viên (31/12/2008: 2.061 nhân viên).

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Các báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi mỗi đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex bị lỗ trong năm thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để đơn vị phụ thuộc đó không bị lỗ trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây về các giao dịch bằng ngoại tệ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ảnh hưởng đối với các báo cáo tài chính của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex là không đáng kể.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex sử dụng phương pháp phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 - 8 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá mua của phần mềm máy vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(k) Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang

Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 29 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền được thanh toán được xác lập.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Điều chỉnh các sai sót trong kỳ kế toán trước

Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện ra các sai sót trong các báo cáo tài chính của năm trước. Bản chất của các sai sót và hướng xử lý trong các báo cáo tài chính như sau:

- Năm 2008, tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí của Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng đã không được hợp nhất vào báo cáo riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh sai sót trên thông qua việc hợp nhất tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí của Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng vào báo cáo riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex cho năm 2008 và điều chỉnh lại lợi nhuận để lại tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2009.
- Năm 2008, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex đã ghi nhận một khoản doanh thu tài chính 32.458 triệu VND liên quan tới cổ tức được công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 23 "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm", khoản này không được ghi nhận là thu nhập do chưa có nghị quyết chia cổ tức. Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh sai sót trên thông qua việc ghi giảm doanh thu tài chính năm 2008 và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2009 với số tiền tương ứng là 32.458 triệu VND. Với điều chỉnh này, việc phân bổ lợi nhuận chưa phân phối vào vốn kinh doanh và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh lại.
- Năm 2008, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex đã phân bổ quá lợi nhuận để lại vào Quỹ khác, dẫn tới số dư của lợi nhuận chưa phân phối bị âm. Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh sai sót trên thông qua việc ghi giảm số tiền đã phân bổ vào Quỹ khác.
- Năm 2007, khấu hao lũy kế của Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt - May Phố Nối đã bị ghi nhận thừa 4.281 triệu VND. Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh sai sót trên thông qua việc ghi giảm khấu hao lũy kế và ghi tăng lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2008 với số tiền tương ứng là 4.281 triệu VND.
- Một số khoản mục tài sản, nợ phải trả chưa được trình bày chính xác trong các báo cáo tài chính trước đây. Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh sai sót trên thông qua việc phân loại lại các khoản mục trên.

Bảng tổng hợp dưới đây cho thấy sự đối chiếu giữa số liệu trước đây trên báo cáo tài chính và số liệu đã được trình bày lại, cùng với sự phân loại lại đối với lợi nhuận để lại đầu kỳ và số liệu so sánh:

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Số dư tại ngày 31/12/2008 – được trình bày trước đây	Hợp nhất các khoản mục tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí của Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	Điều chỉnh ghi nhận các khoản cổ tức được thông báo sau ngày lập báo cáo tài chính	Điều chỉnh lại phần bổ lợi nhuận chưa phân phối vào các quỹ	Điều chỉnh lại số khấu hao lũy kế	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số dư tại ngày 31/12/2008 – đã điều chỉnh lại
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán							
Tiền và các khoản tương đương tiền	206.741.652.765	254.835.314	-	-	-	15.406.484.210	222.402.972.289
Các khoản đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000
Các khoản phải thu thường mại	139.298.830.341	-	-	-	-	152.403.008	139.451.233.349
Trả trước cho người bán	14.840.289.231	6.256.099.633	-	-	-	276.189.200	21.372.578.064
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	532.935.516.349	(22.881.811.207)	(32.458.301.200)	-	-	(73.943.736.765)	403.651.667.177
Hàng tồn kho	251.495.853.980	105.462.335	-	-	-	-	251.601.316.315
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.933.574.899	1.079.578.814	-	-	-	9.340.605	15.022.494.318
Tài khoản ngắn hạn khác	3.899.172.909	58.920.000	-	-	-	672.855.242	4.630.948.151
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	-	-	-	66.542.000.000	66.542.000.000
Hao mòn lũy kế - Tài sản cố định hữu hình	(113.148.089.449)	-	-	-	4.281.760.255	-	(108.866.329.194)
Xây dựng cơ bản dở dang	31.917.740.577	4.637.905.786	-	-	-	-	36.555.646.363
Đầu tư vào công ty con	1.719.238.909.094	-	-	-	-	56.011.000.000	1.775.249.909.094
Đầu tư vào công ty liên kết	321.930.202.857	-	-	-	-	(49.396.200.000)	272.534.002.857
Các khoản đầu tư dài hạn khác	340.568.850.875	-	-	-	-	(6.614.800.000)	333.954.050.875
Trả trước dài hạn	38.409.872.959	-	-	-	-	46.000.000	38.455.872.959
Các tài khoản dài hạn khác	12.138.793.289	-	-	-	-	(155.540.400)	11.983.252.889
Phải trả người bán	280.910.047.087	1.986.663.231	-	-	-	(727.368.994)	282.169.341.324
Người mua trả tiền trước	890.377.721	-	-	-	-	108.570.839	998.948.560
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	8.173.619.044	-	-	-	-	295.191.100	8.468.810.144

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Số dư tại ngày		Điều chỉnh ghi		Điều chỉnh lại		Số dư tại ngày	
	31/12/2008 - đã	được trình bày	Điều chỉnh ghi	nhận các khoản	Điều chỉnh lại	phân bổ lợi	Điều chỉnh lại	31/12/2008 - đã
	trước đây	trước đây	cổ tức được thông	báo sau ngày lập	nhận chưa	phân phối vào	Trình bày lại	điều chỉnh lại
	VND	VND	báo cáo tài chính	báo cáo tài chính	các quỹ	lũy kế	VND	VND
Hợp nhất các khoản mục tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí của								
Phải trả công nhân viên	8.508.556.852	-	-	-	-	-	4.956.040.770	13.464.597.622
Chi phí phải trả	2.893.672.841	-	-	-	-	-	1.496.658.419	4.390.331.260
Các khoản phải trả khác	44.621.381.560	(498.370.000)	-	-	-	-	1.217.725.189	45.340.736.749
Vốn kinh doanh	3.335.746.936.492	-	-	-	(5.498.169.274)	-	-	3.330.248.767.218
Quỹ đầu tư phát triển	19.289.505.286	-	-	-	(459.340.725)	-	-	18.830.164.561
Quỹ dự phòng tài chính	13.934.027.031	-	-	-	(695.970.794)	-	-	13.238.056.237
Lợi nhuận chưa phân phối	21.194.135.559	22.697.444	(32.458.301.200)	6.959.707.942	4.281.760.255	-	-	7.053.110.543
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.359.337.692	-	-	-	(306.227.149)	-	-	-
Quỹ khác	(1.659.177.777)	-	-	-	-	-	1.659.177.777	-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh								
Giá vốn hàng bán	(816.866.174.007)	-	-	-	-	-	5.156.877.103	(811.709.296.904)
Doanh thu tài chính	197.583.038.249	34.405.152	(32.458.301.200)	-	-	-	(9.782.558.917)	155.376.583.284
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(89.242.108.793)	(11.707.708)	-	-	-	-	-	(89.253.816.501)
Thu nhập khác	18.453.920.696	-	-	-	-	-	4.625.681.814	23.079.602.510

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	9.788.512.717	15.273.102.086
Tiền gửi ngân hàng	72.738.371.035	196.845.578.696
Tiền đang chuyển	200.301.900	284.291.507
Các khoản tương đương tiền	174.500.000.000	10.000.000.000
	<u>257.227.185.652</u>	<u>222.402.972.289</u>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ là 739.777.768 VNĐ (31/12/2008: 741.034.921 VNĐ).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu bao gồm các khoản sau phải thu từ các bên liên quan:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Thương mại	9.062.408.973	7.250.473.000
Phi thương mại	55.772.943.829	56.295.184.975
	<u>64.835.352.802</u>	<u>63.545.657.975</u>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	42.078.943.102	88.631.196.181
Cổ tức phải thu	107.035.737.585	56.398.924.009
Cho vay và tiền lãi	357.993.230.143	76.267.233.783
Hoa hồng phải thu	6.742.899.328	4.861.385.900
Đầu tư vào công ty con chờ thanh toán	61.265.320.795	87.639.779.487
Lợi nhuận giữ lại phải thu từ các công ty con	26.032.286.855	33.455.565.369
Các khoản phải thu khác	27.619.229.357	56.397.582.448
	<u>628.767.647.165</u>	<u>403.651.667.177</u>

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay dài hạn mà Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex cho các công ty con vay như sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất Vải Vinatex	27.350.000.000	27.350.000.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	24.500.000.000	14.500.000.000
Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Dệt May Nam Định	10.000.000.000	-
Các công ty con khác	15.399.674.501	24.692.000.000
	<u>77.249.674.501</u>	<u>66.542.000.000</u>

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Các khoản vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 12% với thời hạn từ 2 đến 10 năm.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	14.303.875.879	9.349.426.165
Tăng dự phòng trong năm	9.416.247.160	22.795.794.170
Sử dụng dự phòng trong năm	(264.132.629)	(159.275.677)
Hoàn nhập	(4.598.906.941)	(17.682.068.779)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.857.083.469	14.303.875.879

6. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	20.962.649
Nguyên vật liệu	119.115.847	378.506.955
Công cụ và dụng cụ	1.507.891.704	1.808.750.682
Sản phẩm dở dang	1.165.305.929	1.602.527.094
Thành phẩm	-	661.031.707
Hàng hóa	172.260.418.249	97.647.353.214
Hàng gửi đi bán	17.782.084.482	149.482.184.014
	<hr/>	<hr/>
	192.834.816.211	251.601.316.315
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.960.013.283)	(10.772.966.043)
	<hr/>	<hr/>
	183.874.802.928	240.828.350.272

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	10.772.966.043	-
Tăng dự phòng trong năm	7.001.444.828	10.772.966.043
Sử dụng dự phòng trong năm	(8.814.397.588)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.960.013.283	10.772.966.043

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	224.948.121.616	253.173.855.259	14.090.406.674	9.877.728.832	502.090.112.381
Tăng trong năm	16.353.035.050	7.011.391.574	903.208.182	300.496.249	24.568.131.055
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.693.486.732	28.465.617.397	-	733.013.291	33.892.117.420
Chuyển từ các công ty con	-	-	526.659.741	-	526.659.741
Chuyển sang các công ty con/công ty liên kết	(4.595.349.651)	(5.670.108.963)	(3.834.597.171)	(615.317.811)	(14.715.373.596)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(62.544.728.600)	-	-	-	(62.544.728.600)
Thanh lý	(26.535.079)	(318.534.098)	(811.869.000)	(557.318.537)	(1.714.256.714)
Phân loại lại	22.000.000	134.479.880	(319.727.273)	163.247.393	-
Số dư cuối năm	178.850.030.068	282.796.701.049	10.554.081.153	9.901.849.417	482.102.661.687
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	34.237.867.450	59.865.355.304	6.969.493.194	7.793.613.246	108.866.329.194
Khấu hao trong năm	10.928.764.129	22.837.033.062	1.629.680.440	798.436.394	36.193.914.025
Chuyển từ các công ty con	-	-	49.374.351	-	49.374.351
Chuyển sang các công ty con/công ty liên kết	(827.427.086)	(2.787.967.611)	(2.284.014.353)	(522.574.825)	(6.421.983.875)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.750.460.712)	-	-	-	(3.750.460.712)
Thanh lý	-	(206.204.727)	(811.869.000)	(557.318.536)	(1.575.392.263)
Phân loại lại	5.316.657	34.124.442	(62.530.977)	23.089.878	-
Số dư cuối năm	40.594.060.438	79.742.340.470	5.490.133.655	7.535.246.157	133.361.780.720
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	190.710.254.166	193.308.499.955	7.120.913.480	2.084.115.586	393.223.783.187
Số dư cuối năm	138.255.969.630	203.054.360.579	5.063.947.498	2.366.603.260	348.740.880.967

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có trị giá là 17.781 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 11.534 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 213.965 triệu VND (31/12/2008: 238.127 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.089.637.364	7.647.868.260	22.737.505.624
Tăng trong năm	9.003.649.000	80.650.000	9.084.299.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	62.544.728.600	-	62.544.728.600
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.750.452.364)	-	(7.750.452.364)
Chuyển sang các công ty liên kết	(7.339.185.000)	(224.877.800)	(7.564.062.800)
Thanh lý	-	(46.591.458)	(46.591.458)
Số dư cuối năm	71.548.377.600	7.457.049.002	79.005.426.602
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.310.568.780	4.051.370.581	5.361.939.361
Khấu hao trong năm	516.696.828	667.693.969	1.184.390.797
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	3.750.460.712	-	3.750.460.712
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.112.070.306)	-	(2.112.070.306)
Chuyển sang các công ty liên kết	(1.310.568.780)	(48.723.519)	(1.359.292.299)
Thanh lý	-	(46.591.458)	(46.591.458)
Số dư cuối năm	2.155.087.234	4.623.749.573	6.778.836.807
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.779.068.584	3.596.497.679	17.375.566.263
Số dư cuối năm	69.393.290.366	2.833.299.429	72.226.589.795

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	36.555.646.363	36.840.648.208
Tăng trong năm	25.616.640.689	33.018.533.859
Xóa sổ	(390.987.539)	(33.303.535.704)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.892.117.420)	-
Số dư cuối năm	27.889.182.093	36.555.646.363

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ Tiền gửi kỳ hạn	-	35.000.000.000
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Các công ty con	1.639.674.166.001	1.775.080.909.094
▪ Các công ty liên kết	209.075.587.857	272.703.002.857
Các khoản đầu tư dài hạn khác	420.306.495.139	333.954.050.875
	2.269.056.248.997	2.381.737.962.826
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(18.879.837.459)	(9.033.148.314)
	2.250.176.411.538	2.372.704.814.512

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	9.033.148.314	961.980.070
Tăng dự phòng trong năm	15.781.997.082	8.071.168.244
Hoàn nhập	(5.935.307.937)	-
Số dư cuối năm	18.879.837.459	9.033.148.314

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

11. Các công ty trong Tập đoàn

Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có 36 công ty con. Trong đó, các công ty con giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2009		31/12/2008	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dệt 8/3	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	68,49%	68,49%	51,02%	51,02%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%
Công ty Cổ phần May 10	54,80%	54,80%	54,80%	54,80%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	53,67%	53,67%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	52,99%	52,99%	52,99%	52,99%
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	52,14%	52,14%	52,14%	52,14%
Tổng Công ty Phong Phú	52,00%	52,00%	100,00%	100,00%

Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có 25 công ty liên kết. Trong đó, các công ty liên kết giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2009		31/12/2008	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương mại Thành Công	14,72%	14,72%	26,46%	26,46%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	28,80%	28,80%	28,80%	28,80%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	24,55%	24,55%	24,55%	24,55%
Tổng Công ty Đức Giang	36,76%	36,76%	36,76%	36,76%
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.841.380.606	19.614.492.353	38.455.872.959
Tăng trong năm	196.536.373	4.296.674.677	4.493.211.050
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (thuần)	5.638.382.058	-	5.638.382.058
Chuyển sang công ty liên kết	-	(335.014.024)	(335.014.024)
Phân bổ trong năm	(3.315.740.348)	(9.491.839.169)	(12.807.579.517)
Số dư cuối năm	21.360.558.689	14.084.313.837	35.444.872.526

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Ngân hàng Thương mại Á Châu - Hội sở chính (a)	5.200.000.000	18.000.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương (b)	6.011.509.872	8.000.000.000
Công ty Tài chính Dệt May	-	11.966.642.112
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum (c)	4.500.000.000	4.600.000.000
Sacombank - Chi nhánh Bình Tây (d)	2.791.508.458	-
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (e)	8.900.000.000	-
Các khoản vay cá nhân	-	500.000.000
Vay ngắn hạn khác	-	36.010.954.336
	27.403.018.330	79.077.596.448
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	39.776.000.000	15.420.000.000
	67.179.018.330	94.497.596.448

- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VNĐ và được cấp cho một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất năm trong khoảng từ 6,5% đến 10,5% (2008: từ 12% đến 21%).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu VNĐ và không được bảo đảm. Khoản vay này chịu phí ủy thác với mức phí 1,2% một năm (2008: 0%) và không chịu lãi (2008: 12% một năm).
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.500 triệu VNĐ và không được bảo đảm. Khoản vay này không chịu lãi.
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VNĐ và được cấp cho một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Khoản vay này được bảo đảm và chịu lãi suất 10,5% một năm.
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.000 triệu VNĐ và được cấp cho một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất trong khoảng từ 6,5% đến 11% một năm.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

14. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.414.113.655	2.151.234.846
Thuế thu nhập cá nhân	115.451.922	689.505.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.144.426.897	2.850.274.511
Thuế nhà thầu nước ngoài	2.738.389.880	-
Các loại thuế khác	9.746.185	2.777.795.507
	<hr/>	<hr/>
	11.422.128.539	8.468.810.144

15. Chi phí phải trả

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	2.531.636.363	31.000.000
Phí hoa hồng	112.275.164	258.638.969
Chi phí lãi vay	221.641.974	593.081.426
Chi phí phải trả khác	2.147.712.308	3.507.610.865
	<hr/>	<hr/>
	5.013.265.809	4.390.331.260

16. Phải trả khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	302.334.587	201.930.346
Bảo hiểm xã hội	176.864.813	-
Bảo hiểm y tế	-	4.130.028
Doanh thu chưa thực hiện	5.683.846.481	-
Phải trả các công ty con	8.415.752.652	8.415.752.652
Phải trả Bộ Công Thương	13.500.000.000	13.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.455.516.806	23.218.923.723
	<hr/>	<hr/>
	63.534.315.339	45.340.736.749

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải trả các công ty liên quan khác	15.308.981.549	5.636.504.368

Khoản phải trả các công ty liên quan khác không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Dương (a)	123.878.062.613	127.878.062.613
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Dương 2(b)	43.445.000.000	43.445.000.000
Vietcombank - Chi nhánh Cần Thơ (c)	2.400.000.000	-
Vietcombank - Chi nhánh Cần Thơ (d)	6.507.000.000	12.507.000.000
BIDV - Chi nhánh Pleiku	-	840.000.000
BIDV - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (e)	1.452.166.000	1.988.166.000
	177.682.228.613	186.658.228.613
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(39.776.000.000)	(15.420.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	137.906.228.613	171.238.228.613

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 114.797 triệu VND (31/12/2008: 134.957 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất 4,2% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 52 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 2.340 triệu VND và số dư còn lại vào kì thanh toán cuối cùng.
- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 75.512 triệu VND (31/12/2008: 78.350 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 3% đến 7% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 5 năm theo từng kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 7.560 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kì thanh toán cuối cùng.

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

- c. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 23.656 triệu VND được thế chấp cho bên cho vay (31/12/2008: 24.820 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.000 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 10,5% đến 12% một năm (2008: 12% đến 21%) và số dư còn lại được hoàn trả trong 3 năm theo từng kỳ hàng năm, mỗi kỳ trả 800 triệu VND.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 23.656 triệu VND được thế chấp cho bên cho vay (31/12/2008: 24.820 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 17.000 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 10,5% đến 12% một năm (2008: 12% đến 21%) và số dư còn lại được hoàn trả trong 4 kỳ theo từng kỳ nửa năm, mỗi kỳ trả 1.400 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kì thanh toán cuối cùng.
- e. Khoản vay này được đảm bảo bởi Dự án Vinatex Lãnh Bình Thăng với giá trị ghi sổ là 2.294 triệu VND (31/12/2008: 2.750 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 5.200 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 10,5% đến 18,9% một năm và số dư còn lại được hoàn trả trong 10 kỳ theo từng kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 134 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kì thanh toán cuối cùng.

18. Vốn kinh doanh

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	3.330.248.767.218	3.064.867.938.268
Giảm vốn thông qua việc bán vốn kinh doanh của Nhà nước khi các công ty con tiến hành cổ phần hóa	(86.836.118.382)	-
Giảm vốn do thanh toán trợ cấp lao động dôi dư ở các công ty con từ quỹ sắp xếp doanh nghiệp	(17.000.815.267)	-
Giảm vốn bù trừ công nợ nội bộ	-	(25.943.621.633)
Tăng vốn bằng việc tiếp nhận vốn đầu tư vào các Công ty con	-	155.404.849.432
Tăng vốn từ các khoản phải thu từ cổ phần hóa	-	43.743.893.807
Tái đầu tư sử dụng lợi nhuận chưa phân phối	-	67.614.534.177
Góp vốn bằng tiền	41.058.663.866	24.561.173.167
Các khoản khác	37.000.000	-
Số dư cuối năm	3.267.507.497.435	3.330.248.767.218

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

19. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex. Các quỹ này được lập nhằm phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi các quỹ này được sử dụng cho hoạt động mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng được chuyển sang vốn kinh doanh.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo Quyết định số 199/2004/NĐ-CP, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex đã phân bổ 8.137.787.866 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2008 sang quỹ dự phòng tài chính trong mục nguồn vốn.

(iii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Theo Quyết định số 199/2004/NĐ-CP, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex đã phân bổ 7.241.283.880 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2008 sang quỹ khen thưởng và phúc lợi trong mục nguồn vốn.

Việc sử dụng quỹ trong năm hiện tại phản ánh việc thanh toán cho phúc lợi nhân viên và tiền thưởng năm 2008.

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2009 VND	2008 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	985.385.944.285	943.305.022.606
▪ Cung cấp dịch vụ	16.084.366.830	4.119.305.340
▪ Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng	20.793.120.981	31.724.435.644
▪ Hợp đồng xây dựng	13.890.707.010	15.688.506.193
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(2.111.228.957)	(504.804.468)
▪ Hàng bán bị trả lại	(38.142.545)	(49.662.614)
Doanh thu thuần	1.034.004.767.604	994.282.802.701

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

21. Giá vốn hàng bán

	2009 VND	2008 VND
Hàng hoá đã bán	794.003.787.137	790.722.692.637
Dịch vụ đã cung cấp	19.308.263.681	5.642.238.076
Hợp đồng xây dựng	12.392.189.666	15.344.366.191
	<hr/>	<hr/>
	825.704.240.484	811.709.296.904

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	48.410.054.900	31.105.663.389
Cổ tức	173.185.126.623	81.040.901.819
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	26.082.929.967	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	954.046	43.230.018.076
	<hr/>	<hr/>
	247.679.065.536	155.376.583.284

23. Chi phí tài chính

	2009 VND	2008 VND
Chi phí lãi vay	11.195.321.481	35.565.394.781
Dự phòng giảm giá đầu tư	9.846.689.145	8.071.168.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.423.499	-
Các chi phí tài chính khác	32.892.155	-
	<hr/>	<hr/>
	21.129.326.280	43.636.563.025

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	191.513.545.793	68.285.240.723
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex	47.878.386.448	17.071.310.181
Thu nhập không bị tính thuế	(43.328.569.155)	(20.260.225.455)
Các biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	3.829.081.298
	4.549.817.293	640.166.024

(b) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2009 VND	2008 VND
Công ty TNHH Dệt 8/3		
Khoản cho vay và hoàn trả	3.000.000.000	(10.000.000.000)
Thu nhập tiền lãi	1.434.450.000	2.146.800.000
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương		
Khoản cho vay và hoàn trả	5.700.000.000	-
Phải thu khác	(13.158.473.689)	(134.582.217.745)
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội		
Khoản cho vay và hoàn trả	21.000.000.000	9.500.000.000
Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Dệt May Nam Định		
Khoản cho vay và hoàn trả	7.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex		
Văn phòng cho thuê và tài sản đã cấp	18.873.673.733	17.682.068.779
Khoản cho vay và hoàn trả	17.908.919.987	9.375.000.000
Thu nhập tiền lãi	4.432.311.159	2.585.612.500
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Khoản cho vay và hoàn trả	6.405.702.138	3.594.297.862
Cổ tức	3.801.103.000	4.846.940.000

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch	
	2009 VND	2008 VND
Tổng Công ty Phong Phú		
Khoản cho vay và hoàn trả	75.000.000.000	25.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	11.621.432.376	-
Cổ tức	46.800.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
Khoản cho vay và hoàn trả	483.735.377	10.000.000.000
Cổ tức	7.081.560.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Khoản cho vay và hoàn trả	(20.000.000.000)	40.000.000.000
Cổ tức	12.187.200.000	14.625.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần		
Cổ tức	10.220.000.000	5.840.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Khoản cho vay và hoàn trả	10.900.000.000	(5.900.000.000)
Công ty Cổ phần May 10		
Phí gia công	13.151.387.662	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Hợp đồng xây dựng	6.424.196.214	-

26. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty mẹ Tập đoàn Vinatex có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	156.448.989.583	162.503.831.972
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	77.511.142.501	44.301.329.797
	<hr/> 233.960.132.084	<hr/> 206.805.161.769

Công ty mẹ Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

27. Các khoản nợ tiềm ẩn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thư bảo lãnh	681.334.500.000	778.419.000.000

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2009 VND	2008 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	810.413.786.742	688.308.677.003
Chi phí nhân công	104.802.322.588	81.843.413.539
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.185.884.339	37.818.868.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.367.586.931	83.360.334.169
Chi phí khác	132.545.803.417	51.354.564.930

Người lập:

Phạm Hòa Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Đức Giang
Tổng Giám đốc



24 -06- 2010